

Bản án số: 2162/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16/12/2022
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nhanh;
2. Ông Huỳnh Phạm Dũng Phát.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 259/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 3975/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 08 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 11821/2022/QĐ-ST ngày 29 tháng 08 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Minh N; sinh năm 1983; Nơi thường trú: 45 Lô A Sư Vạn Hạnh P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: 2 đường Đ, phường I, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Bị đơn: Ông Anbazhagan D, sinh năm 1974; Nơi cư trú: N Sivasakthi N 2nd, ExtensionMadampakkam, C, I (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 21/7/2020 và lời khai của nguyên đơn bà Đặng Thị Minh N:

Bà và ông Anbazhagan D chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố H, Việt Nam theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/10/2008, vào Sổ

đăng ký kết hôn số 3944, quyển số 14. Sau khi kết hôn, B và ông Anbazhagan D chung sống tại Ấn Độ. Từ tháng 5/2009 đến tháng 6/2010, B về Việt Nam để sinh con đầu lòng. Từ tháng 7/2010, B và ông Anbazhagan D tiếp tục chung sống tại Ấn Độ đến cuối năm 2010, Bà trở về Việt Nam để sinh con thứ hai và sinh sống tại Việt Nam cho đến nay. Cuối năm 2011, ông Anbazhagan D chuyển về Việt Nam để chung sống với Bà và hai con chung. Trong thời gian chung sống, giữa Bà và ông Anbazhagan D phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, cách nuôi dạy con, kinh tế gia đình nên B và ông Anbazhagan D đã ly thân. Ông Anbazhagan D trở về Ấn Độ từ cuối năm 2015 cho đến nay. Thỉnh thoảng ông Anbazhagan D có đến thăm con nhưng từ tháng 8/2018 cho đến nay, B và ông Anbazhagan D không liên lạc với nhau. Khi sống xa nhau hai bên không còn liên lạc, quan tâm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mặc dù đã cố gắng đưa ra các giải pháp nhưng không thể đoàn tụ nên Bà khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Anbazhagan D.

Về việc nuôi con: Bà và ông Anbazhagan D có 02 (hai) con là Divakar Minh Augustino R, sinh ngày 04/12/2009, giới tính: Nam và Anbazhagan Divakar Minh Joseph J, sinh ngày 14/6/2011, giới tính: Nam. Hiện 02 con đang sinh sống tại Việt Nam, do Bà trực tiếp nuôi dưỡng. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 (hai) con Divakar Minh Augustino R và Anbazhagan Divakar Minh Joseph J. Bà không yêu cầu ông Anbazhagan D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Hai trẻ Divakar Minh Augustino R và Anbazhagan Divakar Minh Joseph J có nguyện vọng được ở với bà Đặng Thị Minh N.

Tòa án đã ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của Ấn Độ, nơi bị đơn – ông A Divakar cư trú, để tổng đạt thông báo về việc thụ lý, ngày mở phiên họp, phiên tòa cho ông Anbazhagan D và yêu cầu ông Anbazhagan D trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Minh N nhưng ông Anbazhagan D không có văn bản trả lời và vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 37; Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa Gia đình và Người chưa thành niên – Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền.

Về nội dung: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/10/2008, vào Sổ đăng ký kết hôn số 3944, quyển số 14 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp thì quan hệ hôn nhân giữa bà Đặng Thị Minh N và ông Anbazhagan D là hợp pháp. Xét thấy, giữa bà Đặng Thị Minh N và ông Anbazhagan D đã không chung sống thực tế từ lâu, không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được; cả hai sống ở hai nước khác nhau, không liên lạc nên không có khả năng hàn gắn. Tòa án đã ủy thác tư pháp để tổng đạt, thông báo về việc thụ lý, ngày mở phiên họp, phiên tòa cho ông Anbazhagan D theo đúng quy định pháp luật. Do đó, việc bà N xin ly hôn là có căn cứ, tự nguyện, không trái quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có cơ sở

chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đặng Thị Minh N; về con chung: Giao bà Đặng Thị Minh N trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Divakar Minh Augustino R, sinh ngày 04/12/2009, giới tính: Nam và Anbazhagan Divakar Minh Joseph J, sinh ngày 14/6/2011, giới tính: Nam; tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết; về án phí: Bà N1 phải chịu theo quy định pháp luật là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Đặng Thị Minh N khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Anbazhagan D đang cư trú tại Ấn Độ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa Gia đình và Người chưa thành niên – Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 37; điểm a, khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà Đặng Thị Minh N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Anbazhagan D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng nên căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Đặng Thị Minh N và ông Anbazhagan D.

[3] Về hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 3944, quyển số 14 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp ngày 10/10/2008 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Đặng Thị Minh N và ông Anbazhagan D là hợp pháp. Từ tháng 8/2018 đến nay, vợ chồng bà Đặng Thị Minh N và ông Anbazhagan D không chung sống; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của bà Đặng Thị Minh N có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về việc nuôi con: Bà Đặng Thị Minh N và ông Anbazhagan D có 02 con Divakar Minh Augustino R, sinh ngày 04/12/2009, giới tính: Nam và Anbazhagan Divakar Minh Joseph J, sinh ngày 14/6/2011, giới tính: Nam. Hai trẻ có nguyện vọng được ở với bà N và bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 trẻ từ khi sinh ra. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con nên giao bà Đặng Thị Minh N trực tiếp nuôi 02 con: Divakar Minh Augustino R, sinh ngày 04/12/2009, giới tính: Nam và Anbazhagan Divakar Minh Joseph J, sinh ngày 14/6/2011, giới tính: Nam. Ghi nhận việc bà N không yêu cầu ông Anbazhagan D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Đặng Thị Minh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 37; khoản 2 Điều 38; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 và khoản 1, khoản 3 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19; Khoản 1, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Bà Đặng Thị Minh N được ly hôn Ông Anbazhagan D.

2. Về việc nuôi con: Giao bà Đặng Thị Minh N trực tiếp nuôi con Divakar Minh Augustino R, sinh ngày 04/12/2009, giới tính: Nam và Anbazhagan Divakar Minh Joseph J, sinh ngày 14/6/2011, giới tính: Nam.

Bà Đặng Thị Minh N tự nguyện không yêu cầu ông Anbazhagan D cấp dưỡng nuôi con

Ông Anbazhagan D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Divakar Minh Augustino R, sinh ngày 04/12/2009, giới tính: Nam và Anbazhagan Divakar Minh Joseph J, sinh ngày 14/6/2011, giới tính: Nam.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, các bên có thể thỏa thuận thay đổi mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thị Minh N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0092222 ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đặng Thị Minh N đã nộp đủ án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại của Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Thời hạn kháng cáo là 12 (mười hai) tháng đối với ông Anbazhagan D, kể từ ngày tuyên án và 15 (mười lăm) ngày đối với bà Đặng Thị Minh N, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ cho bà Đặng Thị Minh N hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận :

- TAND Tối cao;
- TAND, VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THA Dân sự TP.HCM;
- Sở Tư pháp;
- UBND TP HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (22).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Minh